|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  | | --- | | MÔN HỌC PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG HỆ THỐNG THÔNG TIN HIỆN ĐẠI – BỘ MÔN HỆ THỐNG THÔNG TIN – KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN | | Yêu cầu chức năng | | Quản Lý Khách Sạn | |  | | **Biên soạn: Tú Phạm** | | **11/10/2017** | |

1. Tham chiếu

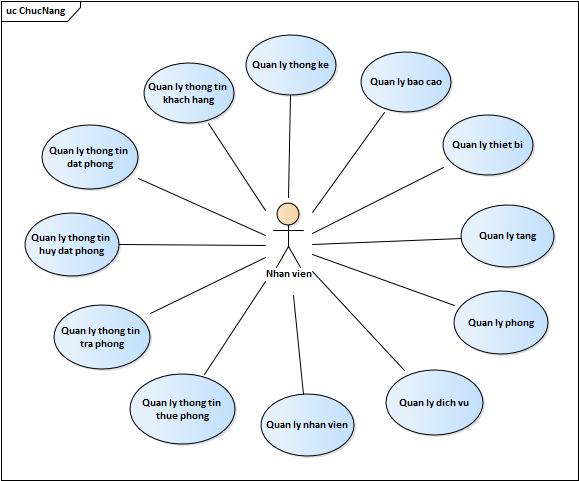
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã số | Tên tài liệu | Phiên bản |
| KS-1 | Khảo sát hệ thống | 1.0 |
| SRS-01 | [SRS] [The Owls ] Quản lý khách sạn | 1.0 |

1. Thông tin tài liệu

|  |
| --- |
|  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số | Tên tài liệu | Nội dung cập nhật | Phiên bản | Tác giả | Mô tả |
| FR-01 | Yêu cầu chức năng | Khởi tạo | 1.0 | Lưu Trần Anh Kiệt | Phân tích yêu cầu chức năng cho hệ thống quản lý khách sạn |

1. Phân tích chức năng
   1. Sơ đồ use case tổng quát



Hình 1 Mô hình tổng quát



Hình 2 Mô hình use case Quản lý báo cáo

* 1. Mô tả
     1. Use case xem lại các báo cáo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use Case | Xem lại các báo cáo | Mã số: UCCN-1 |
| Tham chiếu: [UCNV-1] [HTUCNV-1] |
| Mô tả | UC bắt đầu khi nhân viên muốn xem lại các báo cáo trước đó | |
| Dòng cơ bản | 1. Nhân viên chọn chức năng xem lại báo cáo 2. Nhân viên chọn báo cáo muốn xem theo thời gian, dữ liệu trong nội dung báo cáo hoặc tìm theo tên báo cáo 3. Hệ thống hiển thị các báo cáo thỏa yêu cầu từ người dùng | |
| Dòng thay thế | Nếu không có báo cáo nào được tìm thấy, hiển thị thông báo với người dùng. | |

3.2.2 Use case Thu thập dữ liệu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use Case | Thu thập dữ liệu | Mã số: UCCN-1 |
| Tham chiếu: [UCNV-1] [HTUCNV-1] |
| Mô tả | UC bắt đầu khi nhân viên muốn xem các thông tin về hóa đơn, các giấy tờ, thống kê dịch vụ, khách hàng | |
| Dòng cơ bản | Nhân viên chọn chức năng xem hóa đơn, xem giấy tờ thanh toán  Nhân viên lựa chọn xem hóa đơn theo ngày, loại dịch vụ  Hệ thống đưa ra các hóa đơn, giấy tờ như yêu cầu | |
| Dòng thay thế | Hệ thống không tìm thấy tài liệu phù hợp, sẽ xuất thông báo cho người dùng | |

3.2.3 Use case Tạo báo cáo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use Case | Thu thập dữ liệu | Mã số: UCCN-1 |
| Tham chiếu: [UCNV-1] [HTUCNV-1] |
| Mô tả | UC bắt đầu khi nhân viên muốn tạo báo cáo mới | |
| Dòng cơ bản | 1. Nhân viên chọn chức năng tạo báo cáo 2. Nhân viên đặt tên cho báo cáo 3. Nhân viên phân loại báo cáo 4. Nhân viên xác nhận người tạo báo cáo 5. Nhân viên nhập nội dung báo cáo 6. Nhân viên lưu lại báo cáo | |
| Dòng thay thế |  | |

1. Phân tích dữ liệu
   1. Sơ đồ lớp – Quản lý báo cáo



* 1. Sơ đồ lớp - Quản lý thông tin khách hang

….

* 1. Mô tả chi tiết các lớp.
     1. BaoCao

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | BaoCao | | Mã số: CLS\_01 |
| Tham chiếu: [UCCN-1] [R1] |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin các báo cáo | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| MaBaoCao | MaBaoCao là thông tin duy nhất xác định một báo cáo trong tổng số các báo cáo | |
| TenBaoCao | TenBaoCao là tên được đặt dựa trên nội dung mà báo cáo hướng đến. | |
| NgayLap | Ngày mà báo cáo này được lập ra | |
| GhiChu | Các thông tin để mô tả tổng quát nội dung mà báo cáo muốn nhắm đến | |
| DuLieu | Đối tượng mà báo cáo muốn nhắm đến, ở đây có thể là số lượng khách, doanh thu, dịch vụ sử dụng | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| Không có |  | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| LoaiPhong | Báo cáo có liên hệ với loại báo cáo, một báo cáo có thể thuộc các loại(báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo quý,…). Một loại báo cáo gồm nhiều báo cáo | |
|  | NguoiLap | Mã số nhân viên đã lập báo cáo, một báo cáo do một nhân viên duy nhất lập, một nhân viên có thể tạo nhiều báo cáo khác nhau | |

* + 1. LoaiBaoCao

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | LoaiBaoCao | | Mã số: |
| Tham chiếu: |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin các loại báo cáo | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| MaLoai | MaLoai là thông tin duy nhất xác định loại báo cáo này với các loại báo cáo khác | |
| TenLoai | TenLoai là tên gọi ngắn gọn của loại báo cáo | |
| GhiChu | Các thông tin để mô tả nội dung cơ bản của báo cáo | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
|  |  | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| BaoCao | Báo cáo có quan hệ với loại báo cáo, một báo cáo thuộc một loại báo cáo nào đó. Một loại báo cáo có nhiều báo cáo | |

* + 1. NhanVien

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | NhanVien | | Mã số: |
| Tham chiếu: |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin Nhân viên | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| DiaChi | Địa chỉ của nhân viên. | |
| HoTen | Họ tên của nhân viên. | |
| MaNV | Mã số của nhân viên, để xác định nhân viên với các nhân viên khác | |
| NgaySinh | Ngày sinh của nhân viên. | |
| LoaiNV | Loại nhân viên. | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| LapBaoCao | Lập báo cáo. | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| BaoCao | Nhân viên lập báo cáo. | |